

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 24/10/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Thế

Ông Đỗ Quang Chiêu

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-KDTM, ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC).

Trụ sở chính: Số 22, phố H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H-Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên VC.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP S(SB).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L-Chức vụ: Tổng Giám đốc SB.

Người đại diện theo ủy quyền của SB: Ông Nguyễn Hoàng H - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ban QL&XLNCVD.

Người đại diện theo ủy quyền của SB tham gia tố tụng: Ông Luyện Duy H -Chức vụ: Chuyên viên tố tụng/ có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952/ vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Tổ 01, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1975. Hiện đang cải tạo tại Trại giam Phú Sơn 4- Bộ Công an/ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo đề nghị vay vốn của bà Nguyễn Thị C, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là SB) – Chi nhánh Lạng Sơn đã cho bà C vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 184/2012/HĐTDNH-CN/SHB.LS ngày 27/6/2012 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 184/PLHĐ-CN/SHB.LS ngày 02/7/2012, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 184/PKHĐ-CN/SHB.LS ngày 12/12/2012, số tiền vay 4.000.000.000 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất: Theo khế ước nhận nợ số 184/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 20/12/2012 là 17,93%/năm, theo khế ước nhận nợ số 184/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 28/6/2012 và khế ước nhận nợ số 184/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 06/7/2012 lãi suất là 16,6%/năm. Phương thức trả nợ bên vay phải trả hết nợ gốc vào cuối kỳ tương ứng với từng khế ước, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng (ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 25/7/2012), thời hạn vay 12 tháng tương ứng với từng khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, bà Nguyễn Thị C đã tự nguyện thế chấp 03 tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản bảo đảm 01: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ tổ dân phố 2B, phường P, thị xã S (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên. Diện tích 63m² tại thửa đất số 171A, tờ bản đồ 90-I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 767550, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00421A do UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 24/10/2011.

Tài sản bảo đảm 02: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ dân phố 2B, phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Diện tích 55m², thửa đất số 171B, tờ bản đồ số 90-I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 767551, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00422A do UBND thị xã Sông Công cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 24/10/2011.

Hai tài sản trên được ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 523, quyền số 02/SCC-TP/HĐGD ngày 28/6/2012 do Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh Thái Nguyên chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Tài sản bảo đảm 03: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ tổ dân phố 2B, phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên. Diện tích 79m², thửa đất số 170F, tờ bản đồ số 90-I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 767569, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00451A

do UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 01/11/2011. Tài sản được ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số công chứng 543, quyền số 02/SCC-TP/HĐGD ngày 03/7/2012 do Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh Thái Nguyên chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Thực hiện đúng hợp đồng tín dụng, SHB đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị C theo khế ước nhận nợ số 184/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 28/6/2012 số tiền 2.100.000.000đồng; Theo khế ước nhận nợ số 184/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 06/7/2012 số tiền 900.000.000đồng và khế ước nhận nợ số 184/2012/KU-CN/SHB.LS ngày 20/12/2012 số tiền 1.000.000.000đồng, tổng cộng số tiền giải ngân là 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng chẵn). Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên bà C đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho SHB nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn.

Ngày 18/6/2015, Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là VC) và Ngân hàng TMCP S(SB) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 4055/2015/MBN.VAMC2-SHB đối với khoản nợ của khách hàng bà Nguyễn Thị C. Theo đó, VAMC sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của SB đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị C.

Ngày 18/6/2015, VAMC đã ký hợp đồng ủy quyền số 4056/UQ-VAMC2-SHB và Hợp đồng số 1549/2016/UQ2/VAMC-SHB ngày 18/5/2016 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 4056/2015/UQ.VAMC2-SHB ngày 18/6/2015. Theo đó VC ủy quyền lại cho SB được ký và đóng dấu đơn khởi kiện cùng các văn bản trong quá trình tố tụng tại các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền, đồng thời toàn quyền thực hiện việc thu hồi khoản vay.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, SB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Thị C đều không thực hiện.

Tính đến ngày 25/3/2019, bà C đã trả được tổng số tiền là 353.383.968 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm sáu tám đồng), trong đó nợ gốc là 0 đồng, tiền lãi 350.001.898 đồng và tiền phí 3.382.070 đồng. Tạm tính đến ngày 25/3/2019 bà C còn nợ số tiền tổng cộng là 9.632.798.711 đồng. Cụ thể như sau: Nợ gốc 4.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 795.337.480; nợ lãi phạt quá hạn 3.980.917.947 đồng; phí phạt chậm trả 856.543.287 đồng.

Quá trình giải quyết VC yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/3/2019 là 9.632.798.711 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/3/2019 cho đến ngày bà Nguyễn Thị C thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho VC. Trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng

Việt Nam (VC) được yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho VC.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không buộc bà C phải thanh toán trả tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Số tiền vay mượn ở tài sản thừa đất số 170F mang tên Nguyễn Thị C là bà không vay, vì năm 2013 có hai cán bộ Ngân hàng SHB Lạng Sơn có cầm tờ nhà bà một số giấy tờ nói: “Cô ký giúp chúng cháu số giấy tờ này để đảo nợ cho anh Hà và để lấy bì đỏ mang tên chú Phạm Xuân Lai về để có nơi thờ cúng” và bảo chỉ ký để đảo nợ cho em Hà thôi. Vì tin tưởng chỗ quen biết đi lại thân mật nên bà không đọc nhưng vẫn ký, xong chờ mãi không thấy Phạm Thanh H là con trai của bà cầm bì đỏ về. Bà ký vay tiền để đảo nợ cho con bà để lấy bì đỏ tên chồng bà về làm nơi thờ cúng nào ngờ làm thủ tục vay xong thì ngân hàng SHB trừ hết 4 tỷ vào nợ lãi của các món trước của con trai bà thế là bà bị lừa không lấy được bì đỏ về.

Như vậy, việc bà vay bà không biết, nay bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu kiện thì phải kiện đòi nợ con bà.

Người làm chứng là anh Phạm Thanh H con trai bà Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2011 anh có làm khai thác mỏ nên đã vay nhiều hợp đồng tín dụng với Ngân hàng SHB chi nhánh Lạng Sơn khoảng hơn 10 tỷ đồng để đầu tư khai thác mỏ. Đến năm 2012 và 2013 anh có vay thêm một số khoản nữa nhưng không nhớ. Do các khoản trên đến hạn nhưng anh chưa thu được tiền trả nợ nên anh và đại diện Ngân hàng đến gặp mẹ anh mượn một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ anh làm thủ tục vay tiền để đảo nợ cho anh và mẹ anh đã ký hợp đồng vay số tiền 4 tỷ đồng. Số tiền này dùng để đảo nợ khoản vay nào của anh thì đến nay anh cũng không nắm được.

Kết thúc phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự - nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng **khoản 1** Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, 305, 342, 348, 351 Bộ luật dân sự 2005; Điều 90, 91; 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày

27/02/2009. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC).

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) số tiền nợ gốc chưa trả là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng chẵn).

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bên phải thi hành án (Bà Nguyễn Thị C) không thanh toán trả nợ hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì bên được thi hành án (VC) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho VC theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu thanh toán trả tiền lãi nguyên đơn đã rút.

Về án phí, bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi, do đó đề nghị miễn án phí đối với bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua cuộc thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/6/2015, Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) và Ngân hàng TMCP S(SB) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 4055/2015/MBN.VAMC2-SHB đối với khoản nợ của khách hàng bà Nguyễn Thị C. Theo đó, VC sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của SB đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị C. Giao dịch mua bán nợ giữa Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) và Ngân hàng TMCP S(SB) được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do vậy xác định Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) khởi kiện với tư cách là nguyên đơn trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú và đăng ký kinh doanh tại phường P, thành phố Sông Công nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị C không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị C.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị C đã ký hợp đồng tín dụng số 184/2012/HĐTDNH-CN/SHB.LS ngày 27/6/2012 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 184/PLHĐ-CN/SHB.LS ngày 02/7/2012, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 184/PKHĐ-CN/SHB.LS ngày 12/12/2012, vay số tiền 4.000.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Lạng Sơn để đảo nợ cho anh Phạm Thanh Hà là con trai bà C. Việc này đã được bà C và anh Hà thừa nhận, quá trình thực hiện hợp đồng bà C đã trả được cho SB 350.001.898 đồng tiền lãi. Tài sản bảo đảm của khoản vay này là thế chấp 03 quyền sử dụng đất của bà C như nội dung đã nêu ở trên.

Xét hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp thấy rằng đều được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Bà C đã tự nguyện dùng các tài sản của mình cùng với các giấy tờ có liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Lạng Sơn để vay số tiền 04 tỷ đồng. Tuy nhiên khoản nợ trên đã quá hạn nhiều năm nhưng bà C không trả nợ số tiền đã vay cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã đôn đốc trả nợ nhiều lần. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa vụ phải trả nợ đến hạn cho nguyên đơn, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) số tiền gốc là 4.000.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm và được trả lại tạm ứng án phí. Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí KDTM sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Xét quan điểm về hướng giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 144, 147, 157, 158, 227, 228, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, 305, 342, 348, 351 Bộ luật dân sự 2005; Điều 90, 91; 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa

án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC).

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) số tiền nợ gốc chưa trả là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VC) có đơn yêu cầu thi hành, bà Nguyễn Thị C không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bên phải thi hành án (Bà Nguyễn Thị C) không thanh toán trả nợ hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì bên được thi hành án (Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho VAMC theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm gồm:

Tài sản bảo đảm 01: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ tổ dân phố 2B, phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên. Diện tích 63m² tại thửa đất số 171A, tờ bản đồ 90-I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 767550, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00421A do UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên cấp cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 24/10/2011.

Tài sản bảo đảm 02: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ dân phố 2B, phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Diện tích 55m², thửa đất số 171B, tờ bản đồ số 90-I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 767551, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00422A do UBND thị xã Sông Công cấp cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 24/10/2011.

Tài sản bảo đảm 03: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ tổ dân phố 2B, phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên. Diện tích 79m², thửa đất số 170F, tờ bản đồ số 90-I, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 767569, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00451A

do UBND thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công) tỉnh Thái Nguyên cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 01/11/2011.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị C đối với Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Nguyễn Thị C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu thanh toán trả tiền lãi nguyên đơn đã rút.

3. Án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam **61.000.000 đồng** tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công theo biên lai thu số: 0007616 ngày 04/3/2019.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTP. Sông Công;
- THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường